

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 01 - 2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thanh Thúy
- *Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tiến Tập
2. Bà Vũ Thị Xuyên
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trung Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02 /2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2021.

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H** sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ 5A, khu 1, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức C**, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Tổ 5A, khu 1, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức C, kết hôn ngày 17/5/2004 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hai bên cùng tự nguyện. Sau khi lấy nhau thì vợ chồng ở riêng tại tổ 5A, khu 1, phường Q, thành phố U. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm

2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C suốt ngày rượu chè, đánh đập vợ con, không tu chí làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình và trong lòng anh Cường luôn cho rằng chị H trai gái nên không thể tha thứ. Mặc dù, vẫn sống cùng nhà nhưng giữa chị H và anh C không còn tình cảm, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng. Chị H thấy rằng đời sống hôn nhân không thể tiếp tục nên đề nghị được ly hôn với anh C.

Về nuôi con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2004 và cháu Nguyễn Phương V, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2012. Tại đơn khởi kiện chị H đề nghị được nuôi cháu cả hai và anh C phải cấp dưỡng cho hai cháu 5.000.000đồng/ tháng nhưng quá trình giải quyết vụ án chị H thay đổi không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh C đã được tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng anh C không có ý kiến và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 14/12/2020, đại diện tổ dân khu phố nơi chị H và anh C đang sinh sống cho biết: quá trình chung sống tại địa phương chị Hằng và anh C đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và anh C ghen tuông cho rằng chị H không chung thủy. Anh C và chị H có hai con chung, các cháu vẫn đang ở cùng bố mẹ tại địa phương. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chung đủ 07 tuổi, cháu Nguyễn Việt A và cháu Nguyễn Phương V có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt, tại đơn xin xử vắng chị H đề nghị được giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những quan điểm đã thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn vắng mặt không lý do và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xác định mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức C đã trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh C. Giao hai con chung cháu Nguyễn Việt A và Nguyễn Phương V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 18 tuổi, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện vụ án dân sự “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” với bị đơn anh Nguyễn Đức C có địa chỉ tại thành phố U nên Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí có thẩm quyền giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Đức C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Đức C là vợ chồng hợp pháp, đã đăng ký kết hôn từ năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U trên cơ sở hai bên cùng tự nguyện. Chị H và anh C đã có thời gian dài chung sống, tuy nhiên những năm gần đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn theo như trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương thì nguyên nhân chính là do anh C nghi ngờ chị H ngoại tình. Mặc dù, chị H muốn hàn gắn nhưng anh C bỏ mặc, không tu chí làm ăn và không còn quan tâm đến cuộc sống gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, anh C đã được tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh C không có bất cứ ý kiến phản hồi nào và không có mặt các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại phiên tòa. Việc này thể hiện anh C thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và vun đắp cuộc sống gia đình.

Qua phân tích trên thấy rằng anh C đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức C có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2004 và cháu Nguyễn Phương V, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2012. Quá trình giải quyết vụ án cả hai cháu có ý kiến mong muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy chị H có việc làm, thu nhập, nơi ở ổn định, đảm bảo sự phát triển, quyền lợi của con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh C không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận đề nghị của chị H, giao con chung cháu Nguyễn Việt A và cháu Nguyễn Phương V

cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng: chị H không yêu cầu nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung*: các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Hằng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2004 và cháu Nguyễn Phương V, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Thời điểm nuôi dưỡng con chung kể từ tháng 01 năm 2021, cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung và có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự vào ngân sách Nhà nước (được trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d theo biên lai thu 0003526 ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp. Uông Bí;
- Chi cục THA dân sự tp. Uông Bí;
- UBND phường Q, tp. U, tỉnh Quảng Ninh (nơi ĐKKH).
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Thuý